|  |  |
| --- | --- |
| **[ĐƠN VỊ TRÌNH[[1]](#footnote-1)]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:\_\_\_\_ | *\_\_\_, ngày\_\_\_tháng\_\_năm\_\_\_* |

**TỜ TRÌNH[[2]](#footnote-2)**

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**dự án, dự toán mua sắm:***\_\_\_[tên dự án, dự toán mua sắm]*

Kính gửi:\_\_\_ *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu[[3]](#footnote-3)]*

*[Đơn vị trình]* trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm[[4]](#footnote-4)**

***1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:***

*- Tên dự án*

*- Tổng mức đầu tư[[5]](#footnote-5)*

*- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;*

*- Nguồn vốn;*

*- Thời gian thực hiện dự án;*

*- Địa điểm, quy mô dự án;*

*- Các thông tin khác (nếu có).*

***2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:***

*a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp trong năm ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;*

*b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách. Không liệt kê phần công việc đã thực hiện tại điểm b này vào Bảng số 1 Mục III.*

1. *Phần kinh phí không dùng để mua sắm;*

*d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí quy định tại điểm a khoản này trừ kinh phí quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Chủ đầu tư không phải thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm.*

*Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm theo quy định tại khoản này. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.*

*Đối với mua sắm tập trung thực hiện trên cơ sở tổng hợp khối lượng mua sắm của các đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc mua sắm theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Đấu thầu, dự toán mua sắm được xác định bằng tổng chi phí dự kiến để thực hiện gói thầu mà không cần xác định dự toán mua sắm theo Mục I.2. Đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa, dịch vụ gửi mua sắm tập trung.*

*Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.*

*Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thì tại Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về dự án theo hướng dẫn tại Mục I.1 mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm theo hướng dẫn tại Mục I.2. Trong trường hợp này, cần nêu rõ dự án đầu tư thuộc dự toán mua sắm. Thủ tục trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư.*

**II. Căn cứ pháp lý**

*Căn cứ\_\_\_ [Luật Đấu thầu* *ngày 23 tháng 6 năm 2023,* *được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15];*

*Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

*Căn cứ \_\_[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:*

*- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38[[6]](#footnote-6) của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023];*

*- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023].*

**III.  Phần công việc đã thực hiện(1)**

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(2)** | **Đơn vị thực hiện(3)** | **Giá trị(4)** | **Văn bản phê duyệt(5)** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| ***Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]*** | | |  |  |

Ghi chú:

*(1)* *Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.*

*(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.*

*(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng… tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).*

*(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,…).*

*(6) Đối với dự toán mua sắm, không cần điền nội dung tại Bảng số 1.*

**IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu(1)**

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc(2)** | **Đơn vị thực hiện(3)** | **Giá trị(4)** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| ***Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]*** | | |  |

*Ghi chú:*

*(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng[[7]](#footnote-7), trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (nếu có); đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP). Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.*

*(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã thực hiện được kê khai tại Bảng 1.*

*(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).*

*(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.*

**V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu(1):**

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên chủ đầu**  **tư(2)** | **Tên gói thầu(3)** | | **Giá gói thầu(4)** | **Nguồn vốn(5)** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu(6)** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu(7)** | **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu(8)** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu(9)** | **Loại hợp đồng(10)** | **Thời gian thực hiện gói thầu(11)** | **Tùy chọn mua thêm(12)** |
| ***Tên gói thầu*** | ***Tóm tắt công việc chính của gói thầu*** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu**  *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | | | |  | | | | | | | | |

*Ghi chú:*

*(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.*

*(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.*

*(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.*

*Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.*

*(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(6)**Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Luật Đấu thầu, các khoản từ 12 đến 17 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15; Mục 2 Chương IV, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.*

*Đối với mỗi gói thầu, ghi rõ lựa chọn nhà thầu trong nước hay quốc tế; đấu thầu qua mạng hay không qua mạng.*

*Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.*

*Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 99 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.*

*(7)**Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18, 19 Điều 1 Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15). Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng đối với: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn; Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Đấu thầu, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15); Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế; đấu thầu rộng rãi gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao theo quy định tại khoản 1a Điều 31 Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15).*

*Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá, chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, mua sắm trực tuyến,* *lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thì không ghi nội dung này.*

*(8)**Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định (nếu có). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định (nếu có) vào mục này.*

*Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định (nếu có)).*

*Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17[[8]](#footnote-8) của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.*

*(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, chỉ áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh hoặc kết hợp hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.*

*(11)**Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.*

*Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.*

*(12)* *Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.*

*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm, chủ đầu tư phê duyệt dự toán riêng cho tùy chọn mua thêm làm căn cứ thực hiện mua thêm. Đối với gói thầu chia làm nhiều phần, mỗi phần đều được chọn áp dụng tùy chọn mua thêm không vượt quá tỷ lệ phần trăm ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự toán cho tùy chọn mua thêm có thể phê duyệt theo từng phần hoặc phê duyệt chung cho các phần.*

*Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, khuyến nghị chủ đầu tư xem xét, áp dụng tùy chọn mua thêm.*

*Chủ đầu tư quyết định áp dụng hoặc không áp dụng việc gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng đối với dự toán mua sắm chỉ cho phép nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp chủ đầu tư quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại và cho phép các loại hình nhà thầu khác được tham dự thầu. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).*

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

*Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại* ***Bảng số 3****, cụ thể như sau:*

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: *[giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

*+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;*

*+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;*

*+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);*

*Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];*

*Việc phân chia thành các gói thầu EPC, EP, EC, PC phải đảm bảo phù hợp với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), đồng thời đảm bảo quy định tại Điều 37 của Luật Đấu thầu, không được phân chia thành các gói thầu này nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu theo quy định tại điểm l khoản 6 Điều 16 Luật Đấu thầu.*

*b) Giá gói thầu;*

*c) Nguồn vốn;*

*d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;*

*đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;*

*e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;*

*g) Loại hợp đồng;*

*h) Thời gian thực hiện gói thầu;*

*i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);*

**VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)**

*Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.*

**Bảng số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| ... |  |  |
| **Tổng giá trị** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | |  |

**VII. Tổng giá trị các phần công việc**

**Bảng số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện |  |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu |  |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** | |  |
| **Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư** | | *[ghi giá trị]* |

**VIII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[đơn vị trình]* đề nghị\_\_\_*[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm:\_\_\_*[ghi tên dự án, dự toán mua sắm].*

Kính trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT. | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| **I** | **Đối với dự án** |  |
| *1* | *Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;* | *Bản chụp* |
| *2* | *Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)* | *Bản chụp* |
| *3* | *Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công* | *Bản chụp* |
| *4* | *Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.* | *Bản chụp* |
| *5* | *Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.* | *Bản chụp* |
| *6* | *Văn bản pháp lý có liên quan* |  |
| **II** | **Đối với dự toán mua sắm** |  |
| *1* | *Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)* | *Bản chụp* |
| *3* | *Văn bản pháp lý có liên quan* |  |

1. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15), chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đơn vị trình là đơn vị được giao lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

   2 Trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cần đảm bảo nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, đơn vị trình không cần giải trình, nêu lý do đối với các nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, khoản 23 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15). [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với công việc lập quy hoạch, căn cứ vào nhiệm vụ quy hoạch (nếu có), không căn cứ quyết định phê duyệt dự án. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư” [↑](#footnote-ref-5)
6. được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15 [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với nội dung tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, đối với các công việc mà Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tự làm (ví dụ: tổ chức họp với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản; trình duyệt, công khai phương án bồi thường, bàn giao chi phí bồi thường..,) thì thuộc phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu ở Mục IV. Đối với các hạng mục công việc phải hình thành gói thầu để thuê tư vấn thực hiện thì ghi vào phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở Mục V. [↑](#footnote-ref-7)
8. được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15, khoản 11 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15, [↑](#footnote-ref-8)